

1- Tài Liệu Về Vụ Án Lê Quang Vinh

Để sưu tầm tài liệu về Phật Giáo Hòa Hảo, Chương trình Nghiên cứu Lịch sử và Giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo có được tiếp xúc với ông Lâm Lễ Trinh, tại tư gia, vùng California.

Ông Lâm Lễ Trinh là một nhân viên Hội Đồng Nội Các chánh phủ Ngô Đình Diệm. Trước đó, ông là Biện lý tòa án Saigon, và kế tiếp là Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Ông ra khỏi nội vụ này năm 1959, khi đụng chạm đến quyền lợi của Cần Lao qua dịch vụ xô số Kiến Thiết. Sau đó ông được bổ nhiệm đi làm đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại vùng Trung Đông, cho đến ngày 1-11-63, chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ. Dưới thời Đệ nhị Cộng hòa, ông hành nghề luật sư, không tham gia công quyền. Sau 30-4-75, ông sang tị nạn tại Hoa Kỳ, làm việc ngành giáo dục.

Với tư cách Biện lý, đại diện Công tố viện, thụ lý vụ án Lê Quang Vinh, ông Lâm Lễ Trinh đã tiết lộ một số dữ kiện liên hệ đến vụ án này, một vụ án đã làm sôi nổi dư luận Miền Nam lúc đó, và vẫn còn là một đề tài thảo luận về sau này.

Tài liệu sau đây trình bày diễn tiến vụ án từ khi ông Lâm Lễ Trinh được giao phó nhiệm vụ lập hồ sơ đưa Tướng Lê Quang Vinh ra tòa. Những điều trình bày sau đây, hoặc dưới hình thức tường thuật bởi người viết này, hoặc dưới hình thức lập y nguyên văn lời nói của ông Lâm Lễ Trinh. (*)

Năm 1956, không nhớ rõ ngày tháng, ông Biện lý Lâm Lễ Trinh được ông Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Văn Sĩ báo tin bằng điện thoại, rằng ông Nguyễn Hữu Châu Bộ trưởng Phủ Tổng thống kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ muốn gặp ông Biện lý, tại văn phòng dinh Tổng thống, có việc cần kíp. Khi ông Trinh đến nơi, Bộ trưởng Nguyễn Hữu Châu cho ông biết rằng Tổng thống Ngô Đình Diệm muốn gặp ông Trinh, rồi đưa ông Trinh thẳng vào phòng ngủ của ông Diệm. (*)

Qua câu chuyện, Tổng thống Ngô Đình Diệm ngỏ ý cho biết muốn giao cho Biện lý Lâm Lễ Trinh phụ trách “một vụ án rất hệ trọng”, vụ án Lê Quang Vinh tự Ba Cụt. Ngay sau đó Tổng thống chỉ thị cho lấy một phi cơ trực thăng đưa Biện lý Lâm Lễ Trinh xuống Cần Thơ, để gặp Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ và Thiếu tướng Dương Văn Minh, hai người đặc trách điều khiển chiến dịch Đinh Tiên Hoàng ở miền Tây, “để bàn xem phải lập hồ sơ ra sao” (nguyên văn).

Theo lời Tướng Dương Văn Minh thì sau khi “bị bắt trong một cuộc tảo thanh” tại Chác Cà Dao (Long Xuyên), Ba Cụt hiện bị giam giữ tại khám đường Cần Thơ. Ông Nguyễn Ngọc Thơ cho biết rằng cần phải lập một hồ sơ tư pháp để có dữ kiện đưa Lê

Quang Vinh tự Ba Cụt ra tòa.

Ngay sau đó, Biện lý Lâm Lễ Trinh dùng xe hơi đến Long Xuyên và Châu Đốc tiếp xúc với các vị Chánh án Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Dương Thiệu Sính (Long Xuyên) và Đoàn Bá Lộc (Châu Đốc). Theo tổ chức tư pháp lúc đó, các vị này hành xử đồng thời quyền hạn của chánh án, dự thẩm và biện lý. Ông Trinh ngỏ lời yêu cầu hai vị này lập hồ sơ tội trạng của Lê Quang Vinh.

Hai vị này cho biết rằng có một số đơn khiếu nại về các hành động “bất hợp pháp” của Lê Quang Vinh. Trong thời gian ở miền Tây, Biện lý Lâm Lễ Trinh có đến khám đường Cần Thơ gặp Tướng Lê Quang Vinh. Và sau đây là nguyên văn lời tường thuật của ông:

— Tướng Lê Quang Vinh ở tại một phòng riêng. Tôi đã nghe đồn về Tướng Ba Cụt như là một người đánh giặc rất giỏi, cho nên tôi nghĩ ông này có tác phong quân sự nhiều hơn. Tôi bước vào phòng, thấy một con người khác hẳn. Lê Quang Vinh bắt tay tôi, tôi thấy ông là người mảnh khảnh cao ráo, mặt mày rất sáng sủa, mắt sáng, trán cao, tiếng nói ròn rảng, trên mình mặc một bộ đồ bà ba đen. Sau cuộc gặp gỡ, Lê Quang Vinh nói với tôi rằng: “Tôi không có tội, tôi chỉ là người chống Cộng”. Ông cho biết là không cần gì về vật chất, chỉ mong vụ án này đem ra xử cho lẹ...

Vài ngày sau, Biện lý Lâm Lễ Trinh được Bộ trưởng Nguyễn Hữu Châu điện thoại mời về Saigon để phúc trình diễn tiến thủ tục với Tổng thống Ngô Đình Diệm. Trong lần tiếp xúc này, Biện lý Lâm Lễ Trinh có đặt câu hỏi Tổng thống Diệm về khía cạnh chính trị của vụ án, thì được Tổng thống cho biết rằng: “Đây là một vụ án rất hệ trọng về cả tư pháp lẫn chính trị, vì Lê Quang Vinh là một nhân vật quan trọng của Hòa Hảo.”

Tổng thống Diệm nói với ông Trinh rằng:

— Ông phải cho tôi biết tội trạng gì, và nếu có tội trạng thì phải đem xử gấp.

Tổng thống trực tiếp chỉ thị cho Biện lý Lâm Lễ Trinh xúc tiến gấp thủ tục, hoàn tất hồ sơ gấp, đưa ra tòa án xử gấp, và nói rõ là xử tại tòa án Cần Thơ, trong một phiên tòa đặc biệt.

Biện lý Lâm Lễ Trinh có đặt vấn đề rằng theo luật pháp hiện hành, bị cáo có quyền có luật sư biện hộ, thì Tổng thống cho hay không có gì trở ngại, gia đình bị cáo có quyền mướn bất cứ luật sư nào để biện hộ trước tòa.

Hai luật sư nổi tiếng là Vương Quang Nhường và Lê Ngọc Chấn nhận biện hộ cho

Tướng Lê Quang Vinh. Luật sư Nhường lúc ấy là thủ lĩnh Luật sư đoàn, trước đã có lần tham chánh Tổng trưởng Tư pháp của nội các Trần văn Hữu. Luật sư Lê Ngọc Chấn gốc lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã làm Bộ trưởng Quốc phòng của chánh phủ Ngô Đình Diệm đầu tiên (7-1954).

Biện lý Lâm Lễ Trinh hoàn tất hồ sơ rất mau, tội trạng của bị cáo được ghi trong hồ sơ đều là tội đại hình. Đây là do những đơn tố cáo của dân chúng địa phương, có trong hồ sơ. Hai ông Dự thẩm Long Xuyên và Châu Đốc đã chuyển hồ sơ thẩm vấn về tòa án Cần Thơ, để xử tại đây. Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Văn Sĩ quyết định rằng phiên tòa sẽ xử công khai, có đặt thêm ông loa phóng thanh cho công chúng nghe.

Đây là một phiên tòa kéo dài. Chánh án là ông Huỳnh Hiệp Thành, Biện lý buộc tội là ông Lâm Lễ Trinh, có nhiều phóng viên báo chí từ Saigon xuống lấy tin, và có mặt cả Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ và Tướng Dương Văn Minh trên hàng ghế khán giả. Rất đông tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đến xem tòa xử.

Sau khi nghe công tố viên buộc tội, luật sư của bị cáo đứng lên biện hộ. Luật sư Vương Quang Nhường biện hộ về khía cạnh pháp lý, còn luật sư Lê Ngọc Chấn biện hộ về khía cạnh chính trị. Các luật sư cho rằng thân chủ mình vô tội, không phải chính Lê quang Vinh đích thân phạm các tội trạng mà công tố viên nêu ra, nếu quả thật có sự kiện đã xảy ra như lời cáo buộc, thì Lê Quang Vinh không thể bị kết tội bởi hành động của những người khác.

Các luật sư biện hộ rất tận tình. Luật sư Lê Ngọc Chấn nhấn mạnh về tính chất chính trị của vụ án, vì Tướng Lê Quang Vinh là một chiến sĩ và lãnh tụ chống Cộng sản, chống Pháp, kháng chiến rất nhiệt thành, ông không có trách nhiệm trực tiếp; nếu binh sĩ có lỗi lầm, thì ông chỉ phải chịu trách nhiệm tinh thần mà thôi...

Ông Lâm Lễ Trinh nhận xét như sau về sự biện hộ:

— Trước tòa Lê quang Vinh đứng ngay thẳng, không tỏ vẻ khúm núm sợ hãi chi cả, vẫn giữ tác phong người chỉ huy. Hai luật sư đặt câu hỏi, nhưng Lê Quang Vinh là người biện hộ nhiều nhứt hay nhứt, làm cho công chúng chú ý nhiều nhứt. Ông ăn nói rất hùng biện, có đầu có đuôi mạch lạc rõ ràng, tiếng nói rõ ràng. Người tranh luận đối đáp với tòa án và với biện lý, chính là Lê Quang Vinh. Ông là người thật có tài ăn nói...

Sau đó đến phần nghị án. Thời gian nghị án khá lâu, giữa chánh án và các bồi thẩm dân sự. Quyết định là bản án tử hình.

Ông Chánh án Huỳnh Hiệp Thành từ phòng nghị án bước ra đọc bản án trước tòa, và tuyên bố:

— Tòa tuyên án tử hình Lê Quang Vinh tự Ba Cụt.

Rồi ông báo cho Lê Quang Vinh rằng:

— Phạm nhân có quyền kháng cáo lên tòa trên.

Lê Quang Vinh bữa đó mặc bộ quần áo bà ba trắng, tóc xỏa ngang vai, bình tĩnh nghe tòa tuyên án tử hình, không tỏ vẻ sợ hãi. Lời nói sau cùng của ông trước tòa án là:

— Tôi là một chiến sĩ chống Cộng, và tôi không có phạm các tội do Tòa đã gán cho tôi. Tôi vô tội.

Và cảnh sát đến dẫn ông về khám đường.

Khán giả tại Tòa cũng như quần chúng bên ngoài, sau khi nghe tòa tuyên án tử hình, không có phản ứng giống nhau. Một phần, có lẽ là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, cho rằng Lê Quang Vinh là chiến sĩ chống cộng, không có tội. Phần khác, dư luận các giới bên ngoài cho rằng Lê Quang Vinh là một người khét tiếng làm cho họ phải sợ. Dư luận rất phức tạp, nhưng không ai chối cãi rằng Lê Quang Vinh là một chiến sĩ chống Cộng sản.

Được hỏi về ý nghĩ của mình hiện nay về vụ án Lê Quang Vinh, ông Lâm Lễ Trinh trả lời rằng:

— Lui thời gian lại, bây giờ tôi nghĩ rằng:

1. Tội trạng gán cho Lê Quang Vinh căn cứ trên lời các tiên cáo khai trong hồ sơ, ông phải gánh vác trách nhiệm gián tiếp về mặt tinh thần, với tư cách người chỉ huy, như Tổng thống Nixon phải gánh vác trách nhiệm về vụ Watergate. Còn chính Lê Quang Vinh có đích thân phạm tội hay không, điều đó rất phức tạp, phải để lịch sử phán xét, phải xét các tiên cáo có thành thật không, và những lời khai của họ có đúng sự thật hay là vu khống.

2. Phải nhìn nhận trong thời kỳ tranh tối tranh sáng đó, Lê Quang Vinh cai trị những vùng tự trị, lại có sự xâm chiếm lẫn lộn của Cộng sản, thì các vụ giết người, xâm phạm tài sản thường dễ xảy ra, rất phức tạp khó biết rõ xảy ra thế nào, do ai gây ra, nhưng đứng ở cương vị chính quyền lúc đó, thì chính quyền nói rằng những tội trạng đã xảy ra trong vùng Lê Quang Vinh kiểm soát, thì ông phải chịu hết trách nhiệm.

3. Tôi nhìn nhận rằng chủ trương của Tổng thống Ngô Đình Diệm là thanh toán lực lượng các giáo phái, do đó vụ án này nhứt định phải có khía cạnh chính trị.

Tòa Thượng thẩm Đại hình đã bác bỏ đơn kháng cáo, xác nhận bản án của Tòa Sơ thẩm Cần Thơ. Chỉ còn giải pháp sau cùng là sự ân xá của Tổng thống. Theo hiến pháp Việt Nam Đệ nhất Cộng hòa, quyền ân xá tử tội là quyền của Tổng thống, người duy nhất tối thượng có thẩm quyền đó. Luật sư của Tướng Lê Quang Vinh có làm đơn xin ân xá, nhưng Tổng thống đã bác bỏ, cho nên Lê Quang Vinh bị đem xử tử.

— Tôi cũng không hiểu lý do tại sao Tổng thống đã bác bỏ ân xá.

Đó là lời nhận xét của ông Lâm Lễ Trinh.

Trước ngày xử hình, Biện lý Lâm Lễ Trinh được Bộ trưởng Tư pháp yêu cầu xuống Cần Thơ hiện diện tại pháp trường Cần Thơ trong lúc xử tử hình Tướng Lê Quang Vinh. Nhưng ông Trinh đã từ chối, vì lý do không muốn mục kích thảm cảnh đó. Ông Chánh án Huỳnh hiệp Thành được chỉ định thay thế để đi dự kiến tại pháp trường.

Trước ngày xử hình, Biện lý Lâm Lễ Trinh có trở lại khám đường Cần Thơ thăm tử tội Lê Quang Vinh lần cuối cùng. Sau đây là lời tường thuật của ông Trinh:

— Khi tôi bước chân vào phòng, tôi thấy Lê Quang Vinh đang ngồi tại bàn viết, mặc quần áo bà ba đen, đầu đội khăn rằn ri, nét mặt bình tĩnh không lo về sợ sệt. Tôi cảm động như khi thấy trên vách tường Lê Quang Vinh có tự vẽ một bản đồ Việt Nam thống nhất từ Nam ra Bắc, phía dưới viết hàng chữ “VIỆT NAM MUÔN NĂM”... Tôi có nói với ông rằng tôi rất buồn vì đơn xin ân xá bị Tổng thống bác bỏ, và hỏi ông lần cuối cùng có muốn gì tôi sẽ hết sức giúp đỡ. Lê Quang Vinh chỉ nhờ tôi chuyển một lá thư về cho gia đình. Khi bắt tay tôi lần cuối cùng, Lê Quang Vinh siết chặt bàn tay tôi mà nói rằng: “Tôi không trách chi ông cả, vì tôi hiểu ông chỉ làm bổn phận của ông, và ông rất tử tế đối với tôi”. Tôi có hỏi Lê Quang Vinh có cần một vị linh mục hay một vị tăng nào đến chứng kiến cho ông không, thì Lê Quang Vinh trả lời rằng: “Tôi là một tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, tôi không phải Công giáo, nếu tiện thì xin cho một nhà sư...”

Đó là lời nói sau cùng với tôi...

Sáng ngày 13-7-1956, dân chúng Cần Thơ nghe biết có xử hình Tướng Lê Quang Vinh, họ kéo đến pháp trường (nghĩa trang Cần Thơ) khá đông. Nhưng lính cản lại không cho phép vào. Chiếc máy chém đã được đao phủ thủ Đội Phước đem từ khám Chí Hòa tới từ hôm trước, thiết trí sẵn tại pháp trường.

Chánh án Huỳnh Hiệp Thành đi dự kiến, sau đó có cho biết cảm nghĩ rằng: “cả tuần sau ông ăn ngủ không được, hình ảnh ghê gớm cứ lớn vờn trong đầu”. Ông cho biết rằng thái độ của tử tội Lê Quang Vinh trước giờ lên máy chém, là thái độ bình tĩnh không lộ vẻ sợ hãi chi.

Sau khi xử trảm, xe quân đội đến chở thi hài tử tội đi chôn tại nghĩa trang đó. Về sau dân chúng Cần Thơ đồn đãi rằng linh hồn ông Ba Cụt linh thiêng lắm, thường hiện về nghĩa trang, nhiều người đi ngang đó lúc ban đêm đã nhìn thấy...

TÀI LIỆU BỔ TÚC

Trong cuốn sách nhan đề “Les Guerres du Viet-Nam” xuất bản năm 1985, tác giả cựu Trung tướng Trần Văn Đôn có viết tại trang 171, về vụ thi hài Lê Quang Vinh như sau: ...

“Một trong những người đã hạ sát ông Diệm Nhu là Đại úy Nguyễn Văn Nhung, được thăng cấp Thiếu tá sau đó. Nhung đã được chú ý về thành tích đặc biệt của hắn. Mỗi ngày hắn chặt vài ba cái đầu Việt Minh xách về. Do đó mà Dương Văn Minh lấy Nhung làm vệ sĩ, bởi vì ông ta lo sợ bị ám sát, cần một tay dữ dằn để hộ vệ.

“Trong chiến dịch Dương Văn Minh tấn công Hòa Hảo, Tướng Hòa Hảo Lê Quang Vinh tự Ba Cụt bị bắt, và bị xử tử hình. Sau khi đã chặt đầu ông rồi, thi hài được chôn tại chỗ (nghĩa trang Cần Thơ). Nhưng sau Dương Văn Minh hạ lệnh cho Nguyễn Văn Nhung đến đào mả, móc xác lên, và chặt làm nhiều khúc (phân tán cho biệt tích), làm như thể phòng ngừa người của Ba Cụt đến lấy xác đem về an táng trong chiến khu của họ... Nhung đúng là loại người thích hợp để thi hành các loại công tác ghê gớm đó. Có người nói rằng mỗi khi Nhung giết người, đôi mắt hắn đỏ như máu. Có người còn nói hắn thích ăn gan nạn nhân vừa bị hắn giết chết...”

Cũng trên sách đó, tác giả Trần Văn Đôn nói về cái chết sau này của Nguyễn Văn Nhung: ...

“Nhưng bị bắt chiều ngày 30-1-1964 bởi Tướng Dương Văn Đức, một phe đảng phái của Tướng Nguyễn Khánh. Việc bắt xảy ra trước mắt Nguyễn Ngọc Thơ và Dương Văn Minh, nhưng Minh vốn người do dự, yếu hèn, không dám mở miệng nói lời nào can thiệp cho người hộ vệ trung tín của mình từ 1954. Nhung bị trao cho đơn vị nhảy dù của Tướng Nguyễn Chánh Thi, và sau đó bị tra tấn đến chết. Để che đậy, họ phao tin rằng Nhung đã tự sát trong ngục bằng sợi dây cột giày...” (*)

CẢM NGHĨ CỦA ÔNG BIỆN LÝ

Trả lời một câu hỏi về thi hài Tướng Lê Quang Vinh sau khi xử hình, đã bị giấu biệt, gia đình tìm kiếm không biết chôn nơi đâu, vậy thì vấn đề nêu lên là: Tòa án hay chánh phủ có quyền thủ tiêu luôn cái xác chết, hay phải giao trả lại cho gia đình tử tội? Ông Lâm Lễ Trinh trả lời như sau:

— Theo thủ tục, khi một người đã bị xử tử hình rồi, tức là đã đền tội đối với xã hội rồi (nếu quả thật có tội), điều nhân đạo tối thiểu là phải trả cái thi hài về cho gia đình, dù

rằng luật pháp không minh định như vậy. Tôi cũng lấy làm lạ tại sao chánh phủ Ngô Đình Diệm không trả thi hài Lê Quang Vinh cho gia đình.

Ông Lâm Lễ Trinh có minh định thêm hai điểm:

— Điểm thứ nhất, nếu phê phán về mặt lịch sử và chánh trị, tôi cần phải xác nhận quan điểm rằng Lê Quang Vinh là một người chiến sĩ chống Cộng. Điều này rõ ràng, không ai có thể nghi ngờ.

— Điểm thứ hai, Lê Quang Vinh có phạm những tội trạng người ta gán cho ông không, thì để cho Trời Đất, Luật pháp và hồ sơ trả lời, và cựu Tổng thống Ngô Đình Diệm có trách nhiệm trong đó.

Về giả thuyết nếu Lê Quang Vinh còn sống đến nay, thì ông có thể đóng góp những gì vào công cuộc kháng chiến chống chế độ Cộng sản hiện giờ, ông Lâm Lễ Trinh cho rằng, mặc dù sự thành công của kháng chiến tùy thuộc vào các yếu tố chính trị và nhân tâm, ngoài yếu tố quân sự, ông cũng tin rằng nếu Tướng Lê Quang Vinh còn sống, với nhiệt tâm chống Pháp chống Cộng trong quá khứ, thì ngày nay ông tất hiểu hơn ai hết những nhu cầu chính trị, trong tình thế hiện tại, để trở nên một người lãnh tụ hữu hiệu...

NHẬN XÉT CỦA MỘT LUẬT GIA

Sau đây là một số ý kiến của Luật sư Trần Sơn Hà, nguyên luật sư Tòa Thượng thẩm Saigon. Ông Hà không tham dự phiên tòa, và chỉ nhận xét về những điểm trình bày bởi ông Lâm Lễ Trinh.

1. Đây là một vụ án hoàn toàn chính trị, và cựu Tổng thống Ngô Đình Diệm đã sử dụng những phương tiện pháp lý để đạt mục tiêu chính trị, là loại bỏ Thiếu tướng Lê Quang Vinh.
2. Theo thủ tục thông thường, một vụ án hình sự phải được khởi phát từ Bộ Tư pháp. Sau khi Cảnh sát đến điều tra, biện lý cuộc truy tố can phạm theo quyết định của ông Bộ trưởng Tư pháp là thẩm quyền cao hơn. Ngay từ khởi đầu vụ án Lê Quang Vinh, mọi sự sắp đặt đều do ông Bộ trưởng Nội vụ kiêm Bộ trưởng phủ Tổng thống. Sự kiện này nói lên rằng Tổng thống Ngô Đình Diệm đã xen lẫn vào nội bộ quyền Tư pháp.
3. Việc Tổng thống Diệm lưu ý đặc biệt đến vụ án, và cử một vị Biện lý tòa Saigon để thụ lý một vụ án mà các tội phạm quy trách đều xảy ra tại Long Xuyên Châu Đốc, cho ta nghĩ rằng đây là một vụ án đặc biệt đi ngoài các thủ tục tố tụng thông thường đương thời. Thông thường, vị chánh án tòa Hòa Giải Rộng Quyền Châu Đốc hay Long Xuyên hành xử ba nhiệm vụ biện lý, dự thẩm, và chánh án, là những người có thẩm quyền thụ lý hồ sơ. Nhưng việc này lại được đặc biệt giao cho một vị Biện lý tòa

Saigon.

4. Khi xử án đã không xử tại Long Xuyên hay Châu Đốc, mà lại xử tại Cần Thơ, và vị Chánh thẩm Huỳnh Hiệp Thành cũng không phải là người có thẩm quyền địa hạt ở Châu Đốc và Long Xuyên.

Không thấy ông Lâm Lễ Trinh nói cho biết rằng trước đó Tổng thống Ngô Đình Diệm đã có ban hành một sắc luật thiết lập một tòa án đặc biệt để xử vụ án Lê Quang Vinh không? Nếu có sắc luật đó, thì phải qui định các thủ tục đặc biệt ngay trong sắc luật. Theo lời trình bày của ông Biện lý Lâm Lễ Trinh thì hình như Tổng thống Ngô Đình Diệm không hề ban hành một sắc luật thành lập một tòa án đặc biệt, mà sử dụng thủ tục thông thường hiện hành, như bắt đầu từ Sơ thẩm Đại hình, lên Thượng thẩm, Phá án, hay Ân Xá. Như thế việc giao cho một Biện lý Saigon thụ lý vụ án, và Chánh thẩm Cần Thơ xử án, đã đi ra ngoài thủ tục thông thường. (Hiểu là một điều nghịch lý.)

5. Những tội phạm quy trách cho Thiếu tướng Lê Quang Vinh không có bằng chứng trực tiếp là các hành động do chính Thiếu tướng Vinh đã làm, hoặc do sự ra lệnh, thỏa thuận hay được biết của ông, chỉ có những nguyên cáo nói rằng ông này ông kia đã làm chuyện này chuyện nọ, rồi quy trách cho Thiếu tướng Lê Quang Vinh. Cho nên vấn đề ngụy tạo bằng chứng, ngụy tạo lời khai thật rất dễ dàng khi có quyền lực. Dù Thiếu tướng Lê Quang Vinh luôn luôn phủ nhận, nhưng tòa vẫn quy trách tội trạng cho ông và vẫn xử bản án tối đa. Các bằng chứng buộc tội nêu ra cũng rất mơ hồ.

6. Về việc Tòa Thượng thẩm bác bỏ đơn kháng cáo, cũng nên tìm hiểu lý do và nội dung, và người có thể làm sáng tỏ vấn đề này là ông Chánh án Tòa Thượng thẩm Saigon Trịnh Xuân Ngạn, sau là Phó Chủ tịch Tối cao Pháp viện Đệ nhị Cộng hòa, hiện sống tại Pháp.

7. Về việc Tổng thống Ngô Đình Diệm bác bỏ đơn xin ân xá, phải hiểu đó là vì lý do chính trị, vì nếu không phải lý do chính trị, Thiếu tướng Lê Quang Vinh đã được ân xá rồi. Điều đó xác nhận đây là một vụ án chính trị, mà Tổng thống Diệm đã sử dụng phương cách pháp lý để loại bỏ Thiếu tướng Lê Quang Vinh, cũng như sau đó đã dùng pháp lý thông thường kết án Tướng Nguyễn Thành Phương (Cao Đài) về các tội “ăn cắp và trữ đồ gian” (để loại bỏ Tướng Phương).

8. Thi hài Thiếu tướng Lê Quang Vinh sau khi thọ hình đã không được trả lại cho gia đình, mà chôn ở đâu cũng không ai được biết. Theo nguyên tắc, người tử tội sau khi đã thọ hình, tất cả tội phạm đều xóa bỏ, thì thi hài phải trả về cho gia đình. Việc thủ tiêu xác chết là một quyết định vô nhân đạo, đồng thời chứng minh tính cách chính trị sâu độc trong vụ án Lê Quang Vinh. Và như thế, phải nhắc đến một câu mà cả nhơn loại đều biết là:

— KHI CHÍNH TRỊ ĐÃ XEN VÀO TƯ PHÁP, THÌ CÔNG LÝ ĐỘI NÓN RA ĐI

Sau khi đã trình bày quan điểm về pháp lý, Luật sư Trần Sơn Hà đã phát biểu một ý kiến cuối cùng:

— Nếu lúc đó Tổng thống Ngô Đình Diệm dừng vì mục tiêu thống nhất quân đội mà giết chết Thiếu tướng Lê Quang Vinh, thì hôm nay trong công cuộc phục quốc, với hạ tầng cơ sở của Dân Xã, với khả năng tinh thần chống Cộng can đảm và hăng say của Tướng Lê Quang Vinh, nếu như ông còn sống, sẽ đóng một vai trò không nhỏ trong cuộc kháng chiến tại quốc nội, để quang phục đất nước, đòi chủ quyền trong tay Cộng sản lại cho dân tộc... (*)

GIÁ TRỊ LỜI KHAI VÀ BẢN CHẤT TIÊN CÁO

Tướng Lê Quang Vinh đã bị kết án tử hình về các tội trạng đại hình, theo đơn tố cáo của một số dân trong hai tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc. Câu hỏi đặt ra: Giá trị những đơn tố cáo và nguồn gốc đích thực của các tiên cáo.

Trong bối cảnh chính trị mà người cầm đầu hệ thống quyền lực đã “nhứt định lấy đầu Lê Quang Vinh” thì đương nhiên cả cái hệ thống quyền lực đó được điều khiển để tiến tới mục tiêu.

Trong bối cảnh ấy, thì tất cả các bánh xe đều phải quay theo một chiều được điều khiển, các đơn tố cáo kia có giá trị gì? Sự nguy tạo bằng chứng và nguy tạo lời khai thật rất dễ dàng khi có quyền lực (lời luật gia Trần Sơn Hà). Tiên cáo nguy tạo, lời khai nguy tạo, bằng chứng nguy tạo, tất cả đều là phương tiện tốt để đạt cứu cánh, và trong chiều hướng đó làm sao Tướng Lê Quang Vinh vô tội và thoát chết được?

Một yếu tố nữa là BẢN CHẤT các tiên cáo. Họ là ai?

Theo hồ sơ, họ là dân. Nhưng dân nào? Chắc chắn không phải là người Hòa Hảo đích thực, vì không một tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo nào làm như thế. Trong vùng chiến khu tại Long Xuyên Châu Đốc, người dân nào có kiên trì sống tại các nơi biên khu tranh tối tranh sáng, tất nhiên phải có bản chất đặc biệt của họ. Bởi vì những người chống Cộng thì đã đứng vào phòng tuyến chống Cộng rồi, những người có tiền có của thì đã bỏ ruộng đồng mà ra đô thị. Những người còn ở lại biên khu, tất phải theo chỉ thị của một quyền lực địa phương. Vậy quyền lực nào đây? Có nhiên nếu quyền lực đó là quyền lực Cộng sản, thì họ cũng chẳng dại gì đưa cán bộ nằm vùng ra đứng tiên cáo, nhưng là dân thường của họ đã được chỉ dẫn học tập. Nếu quyền lực đây là quyền lực của chính phủ Ngô Đình Diệm, thì trong hoàn cảnh 1955-1956, các lực lượng võ trang Phật Giáo Hòa Hảo đã bị đánh dẹp, thì các giới chức công an quân đội địa phương không có khó khăn nào trong việc tìm ra những tiên cáo hữu ích và thích nghi theo

nhu cầu để hoàn thành nhiệm vụ kết án và lấy đầu Tướng Lê Quang Vinh.

Chính ông Biện lý Lâm Lễ Trinh cũng nhìn nhận rằng “trong thời kỳ tranh tối tranh sáng đó, lại có sự xâm chiếm lẫn lộn của Cộng sản, thì các vụ giết người, xâm phạm tài sản thường dễ xảy ra, rất phức tạp, khó biết rõ xảy ra thế nào, do ai gây ra?...” Cho nên có thể nói rằng tiên cáo trong vụ án này, một phần là của Cộng sản, một phần là của phía chánh phủ Ngô Đình Diệm đưa ra. Vì Lê Quang Vinh đã phá nát hậu bối chiến khu của Cộng sản, làm tê liệt hệ thống giao liên giữa chiến khu Đồng Tháp và chiến khu U Minh cho nên Cộng sản phải giết Lê Quang Vinh. Cộng sản muốn giết, chính phủ cũng muốn giết Lê Quang Vinh, nói rộng ra, cái xã hội quyền lực lúc đó muốn giết Lê Quang Vinh.

TỘI TRẠNG QUY TRÁCH

Một điểm đặc biệt khác là thời gian quá ngắn từ khi Lê Quang Vinh bị bắt tại Chà-cà-đao đến khi bị hành quyết tại Cần Thơ, chỉ có vỏn vẹn ba tháng (Ông bị bắt 13-4 và bị hành hình 13-7-1956). Nếu ta theo dõi các vụ án quan trọng, nhứt là án tử hình tại các nước tự do dân chủ, ta hẳn thấy rằng hệ thống tòa án làm việc rất cẩn trọng, vì coi mạng người là vô cùng quan hệ, không thể giết bừa bãi câu thả, và thời gian kết tội cũng như trước khi hành hình đã kéo dài hàng năm, nhiều năm, cho sự suy nghĩ, cân nhắc được kỹ lưỡng đầy đủ trước khi bắt tử tội thọ hình.

Vụ án Lê Quang Vinh chỉ có 90 ngày, có lẽ còn ngắn hơn nếu kể từ ngày khởi đầu thủ tục tố tụng. Rõ ràng là một sự cố ý chính trị, một thái độ vội vã, cố tình đạt cho được mục tiêu thật mau lẹ, giống như một kẻ đã có ý định muốn bóp chết địch thủ ngay lập tức, để dứt khoát cho xong.

TẠI SAO PHẢI CHẶT ĐẦU MÀ KHÔNG XỬ BẮN?

Trong các hình thức xử tử: treo cổ, ghế điện, xử bắn, hơi độc, chặt đầu, hoặc tam ban triều đình (thuốc độc, treo cổ, tự đâm) chỉ có hình thức chặt đầu là dã man nhứt.

Thời cách mạng Pháp 1789 đã khai sinh cái guillotine, hay gàn đây hơn là sự tàn ác tột độ của thực dân Pháp đã chặt đầu lãnh tụ kháng chiến Nguyễn Trung Trực bằng dao, đã đưa 13 chiến sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng lên máy chém tại Yên Bái 1930.

Cũng tại Cần Thơ, mùa thu 1945, ba chiến sĩ Phật Giáo Hòa Hảo tiên phong đã bị Cộng sản lên án tử hình. Họ là ba chiến sĩ đầu tiên của phong trào chống Cộng, đã chết vì chống độc tài và đòi tự do dân chủ.

Bánh xe lịch sử mới bắt đầu quay vào chu kỳ cách mạng 1945, thì ba chiến sĩ Phật Giáo Hòa Hảo Nguyễn Xuân Thiếp, Trần Văn Hoàn, Huỳnh Thanh Mậu đã hy sinh tại pháp trường Cần Thơ, rồi éo le thay, khi bánh xe lịch sử bắt đầu quay vào chu kỳ

độc lập 1955, thì một chiến sĩ Phật Giáo Hòa Hảo khác đã chiến đấu suốt đời từ 1945 đến 1955 chống Cộng sản, chống Thực dân, lại bị đem ra pháp trường Cần Thơ chặt đầu.

TẠI SAO PHẢI THỬ TIÊU THI HÀI?

Khi đã chết rồi, thi thể Tướng Lê Quang Vinh còn bị hành hạ, chặt ra nhiều khúc cho tan nát, cho tuyệt diệt. Hành động này có làm cho phía chiến thắng được thêm hả hê thỏa mãn trong niềm kiêu hãnh tự hào chút nào không? Đối với phương Đông, đây là một điều bất nhân vô đạo. Phương Đông có truyền thống đạo học, kẻ không theo Phật cũng biết Nho, không ai nỡ đối xử tàn tệ với người đã chết như thế. Việc báo oán cũng được Nho giáo chia ra làm ba tầm mức: Dĩ đức báo oán, Dĩ trực báo oán, và Dĩ oán báo oán. Hành động tàn ác này còn vô luân hơn cả hình thức lấy oán báo oán kia. Nghĩa tử là nghĩa tận, có sao không thể trả thi hài cho gia đình nạn nhân được chôn cất dưới nấm mồ gia đình, để cha mẹ vợ con còn có cơ hội thấp nén nhang, cúng cảnh hoa, hầu nhớ lại những ân tình ruột thịt, tuy ngàn thu đã chia cách âm dương đôi ngã? Trong truyền thống Việt Nam, chết mất xác là một điều đau đớn vô cùng cho thân nhân còn sống, thế mà con người lại có thể nhẫn tâm như thế sao? Những kẻ có trách nhiệm có còn giữ lại chút nào luân lý và văn hóa dân tộc chẳng?

TÂM TƯ TỬ TÙ LÊ QUANG VINH

Cũng nhân chứng Lâm Lễ Trinh, đã có một cảm xúc rất “người” khi bước vào phòng tử tội, thấy Tướng Lê Quang Vinh tự tay vẽ trên tường tấm bản đồ Việt Nam trọn vẹn từ Nam ra Bắc, với hàng chữ lớn phía dưới “VIỆT NAM MUÔN NĂM”. Con người chiến sĩ dọc ngang Lê Quang Vinh bây giờ là một tử tù sắp thọ hình, đã bộc lộ tâm tư đích thực tha thiết của riêng mình và nguyện vọng cao cả nhứt của đời mình, là tranh đấu cho một nước Việt Nam thống nhứt độc lập tự do. Ông đã kéo quân vào bưng biền lần sau cùng vào cuối 1954 để lên tiếng phản kháng sự chia đôi đất nước bởi hiệp định Giơ Neo. Và bây giờ, trong phòng tử tội, ông đã tự mình vẽ lên tường để riêng mình chiêm bái, tấm bản đồ của tổ quốc thân yêu thống nhứt Bắc Nam không lần chia cắt.

Trong bốn bức tường khám đường Cần Thơ, chiến sĩ Lê Quang Vinh hẳn đã nức nở gào thét một mình trước hình ảnh tổ quốc, và qua hàng chữ lớn VIỆT NAM MUÔN NĂM, khi biết rằng mai này, ông sẽ thọ hình tử giả cuộc đời, một cuộc đời đấu tranh gian khổ, để tổ quốc Việt Nam Muôn Năm. Tổ quốc bắt diệt, nhưng chiến sĩ phải chết. Như Nguyễn Trung Trực, như Nguyễn Thái Học. Chỉ khác là Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thái Học bị xâm lược ngoại chủng giết, còn Lê Quang Vinh bị người quốc gia cùng phòng tuyến hành hình.

2- Con Người Lê Quang Vinh

Nhìn vào nguồn gốc xã hội của con người Lê Quang Vinh, ta thấy đây là một người nông thôn rất rộng. Các vị lãnh tụ quân sự khác của Phật Giáo Hòa Hảo không xuất thân nông dân rất rộng như Lê Quang Vinh. Ông Trần Văn Soái sinh hoạt trong nghề xe đò chuyên vận, ông Lâm Thành Nguyên trong ngành cơ khí. Ông Nguyễn Giác Ngộ trước là một quản cơ trong tổ chức quân sự. Những người này thường sinh hoạt ngoài khu vực nông thôn, có cuộc sống đô thị, lại ở một thế hệ lớn tuổi hơn, cho nên khi trở thành lãnh tụ quân sự, đã có khuynh hướng hoạt động và nếp sống khác với người nông dân Lê Quang Vinh.

Trái lại, người thanh niên Lê Quang Vinh (1925-1956) trở thành lãnh tụ quân sự của một lực lượng võ trang khoảng 5000 người (1954), chưa đầy 30 tuổi, vẫn còn trong dòng máu cái bản chất nông dân, không dễ dàng thỏa hiệp hay thay đổi lập trường, không xa rời đồng đội vì cùng là nông dân với nhau, không tự cao tự đại, không tự mãn để hưởng thụ, không sợ chết sợ khổ. Lê Quang Vinh là con người có óc cầu tiến, muốn làm những việc lớn theo ước vọng của mình khi thụ nhận ý thức cách mạng trong giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo. Cho nên Lê Quang Vinh không có tài sản, nhà cửa, cơ sở kinh doanh hay trương mục ngân hàng nào. Và cũng vì không có tài sản riêng mà Lê Quang Vinh không bị ràng buộc, sống tự tại như con chim trời, có thể một sớm một chiều kéo quân trở về bưng biển, không bị rịn ngằn ngại chi cả.

Mục đích của ông là thêm võ khí, không phải thêm tài sản của cải. Năm lần vào bưng và trở ra hợp tác, ông đã tiến từ vị trí chỉ huy đơn vị 100 người lên tư lệnh một đơn vị 5.000 người. Nhưng có nhiều võ khí để làm gì? Để trở thành một lãnh chúa tiểu vương, điều này không phải chí hướng Lê Quang Vinh. Người thanh niên nông dân ấy đã giác ngộ sứ mạng công dân thời loạn, có cơ hội trở thành một anh hùng, nhưng lại không đủ kiến thức để có thể đối phó với mưu lược của những thành phần xuất thân từ giai cấp ưu đãi trong xã hội từ khi thực dân Pháp mới đến xâm chiếm Việt Nam. Sự thua kém kiến thức đã làm cho con người yêu nước ấy mang cái “loạn tướng” và bị hành quyết năm 1956, lúc ấy mới 31 tuổi.

Có thể lấy Lê Quang Vinh làm con người điển hình cho chiến sĩ Phật Giáo Hòa Hảo, và lấy trường hợp xử tử Lê Quang Vinh như điển hình của tôn giáo Phật Giáo Hòa Hảo trong xã hội Việt Nam. Tuy có số quần chúng đông đảo, nhưng Phật Giáo Hòa Hảo vẫn bị uy hiếp và chịu thiệt thòi. Giai cấp ưu đãi

trong xã hội có nhiều cơ hội và phương tiện để giành lấy ưu thế trong sinh hoạt quốc gia, trong khi người chiến sĩ nông dân Phật Giáo Hòa Hảo, hình ảnh của giai cấp bị bạc đãi trong xã hội từ một trăm năm qua, bây giờ vẫn tiếp tục bị thiệt thòi.

Lê Quang Vinh muốn “ngoi lên” nhưng khi anh ra khỏi môi trường nông thôn và cuộc chiến bưng biền, anh bị lạc lõng vào môi trường mới hoàn toàn xa lạ, không thích hợp với anh, mà chính anh cũng không có khả năng tự thích nghi với môi trường mới. Cho nên anh giống như con cá đã ra khỏi mặt nước, không thể bơi lội được nữa, mà phải “chết cạn” trong môi trường mới.

ẢNH HƯỞNG LÂU DÀI CỦA CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA

Chế độ thuộc địa đã tạo những thay đổi lớn lao trong xã hội miền Nam Việt Nam, có thể tóm lược như sau:

— Hoán chuyển nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền thành một nền kinh tế theo mô thức tư bản.

— Làm cho xã hội Việt Nam phân hóa thành hai thành phần khác biệt: một bên là thiểu số được ưu đãi, một bên là đa số bị bạc đãi.

— Tạo ra hai nếp sống cách biệt giữa đô thị và nông thôn.

Riêng tại khu vực nông thôn, Pháp đã áp dụng chính sách phân phối ruộng đất như một lợi khí chánh trị, tạo ra tình trạng phân hóa xã hội với hai thành phần điền chủ và tá điền.

Một bên là thành phần ưu đãi nắm trong tay phương tiện sản xuất, chính yếu là đất đai và tín dụng; một bên là giới đại đa số bị bạc đãi, tức giới nông dân không có ruộng cày, phải mượn lại đất của điền chủ, và sống cuộc đời nghèo khổ cùng cực của tá điền.

Tình huống đó làm cho cái hố cách biệt giữa hai giai cấp chủ điền và tá điền, càng ngày càng sâu rộng, một sự cách biệt không những về lợi tức giữa giàu và nghèo, mà còn giữa đời sống đô thị với đời sống nông thôn, giữa hai nếp sống tân tiến và cổ truyền. Cũng không chỉ là sự cách biệt nhất thời, mà còn gây ảnh hưởng rất sâu rộng, lâu dài về sau trong sinh hoạt chính trị, xã hội và kinh tế, văn hóa của xã hội nói chung.

Theo khoa học kinh tế, một trong những điều kiện phát triển là tư bản, tức vốn. Khoa học xã hội nêu một nguyên lý phát triển: phải cung cấp cho mọi

người trong xã hội những cơ hội và phương tiện phát triển cần thiết, trước khi nói đến bình đẳng xã hội. Tổ chức xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc đã đi ngược lại nguyên lý này. Cơ hội và phương tiện phát triển được dành riêng cho một thiểu số, trong khi đại đa số là giới nông dân yếu kém trong xã hội không được thừa hưởng những cơ hội và phương tiện phát triển, nên không thể thăng tiến được, mà cứ triền miên trì trệ trong cảnh sống tối tăm, gần như vô vọng, không lối thoát.

Thành phần giàu mạnh tất nhiên chiếm ưu thế, thành phần yếu kém phải thất thế, và cứ thế từ đời này lưu truyền sang đời kia. Trên đây, đã nói về mặt lợi tức. Sau đây, đề cập ảnh hưởng về mặt giáo dục.

Trong các quốc gia tiến bộ, học vấn được cung cấp miễn phí và cưỡng bách cho con người đến một mức độ nào đó. Tại Hoa Kỳ và các quốc gia Tây Âu, mức độ cưỡng bách và miễn phí giáo dục được định ở mức cuối của chương trình trung học 12 năm. Đại học mở rộng cửa cho mọi người, với các biện pháp giúp đỡ tài chánh và tín dụng cho sinh viên nghèo cũng có thể theo học và đỗ đạt. Đó là quan niệm cung cấp học vấn như một phương tiện phát triển đồng đều cho mọi người trong xã hội.

Nếu quan niệm này là đúng, và phát xuất từ kinh nghiệm lâu đời của các nền văn minh, thì thực trạng xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc nhứt định phải gọi là tình huống nghịch lý và bất công. Không những chỉ tác hại nhứt thời mà còn di hại hàng trăm năm về sau.

Trong khi lớp con em của giới nông dân nghèo khổ chỉ có thể đến học ở ngôi trường làng, để đạt khả năng đọc viết quốc ngữ, thì con em của giới nghiệp chủ giàu mạnh đang đi học tại các đại học đường hay xuất dương du học ngoại quốc. Khi con em nông dân bỏ sách vở ở lớp tuổi còn thơ ngây (khoảng 10 tuổi là học xong chương trình trường làng), rồi bước thẳng vào cuộc đời để giúp cha mẹ đi cày cuốc hay chăn trâu bắt cá ngoài đồng, thì con em giới nghiệp chủ được tiếp tục học để tăng gia kiến thức, và trở nên những người “có văn hóa cao”, xuất thân từ các đại học, và đương nhiên chiếm được các vị thế ưu thế trong xã hội. Họ là những bác sĩ, kỹ sư, bác học, luật sư, giáo sư... nói chung là giai cấp trí thức tân học, sau này trở nên cấp lãnh đạo xã hội.

Điều này đã hiển nhiên xảy ra, cấp lãnh đạo tại Việt Nam xuất hiện từ 1945 về sau, dù trong guồng máy chính quyền Cộng sản ở miền Bắc, cũng hầu hết là con cháu các gia đình có ưu thế trong xã hội kể từ thời Pháp thuộc. Những thế hệ sau cùng gần giống như vậy, mặc dù cũng có một số ngoi lên từ giới

nông dân nhưng đại đa số các cấp chỉ huy quân sự và hành chính trong guồng máy chính quyền, từ thời Pháp thuộc đến thời Bảo Đại và các chế độ Cộng Hòa Miền Nam, là hậu duệ của thành phần được ưu đãi trước kia.

Một số khác xuất thân từ thành phần tiểu tư sản thành thị, nhưng chỉ có rất ít thuộc thành phần nông dân.

Nông dân được xem là thành phần đa số và căn bản của xã hội Việt Nam. Nhưng trong thực tế, quyền lực không nằm tại nông thôn, mà nằm tại đô thị. Đô thị đóng vai trò lãnh đạo nông thôn, quyết định vận mạng đất nước.

Tình trạng xã hội mô tả trên đây đã tiếp diễn, và vẫn còn đang tiếp diễn, vẽ ra cho nhà phân tích xã hội một bức tranh khá bi hài. Đó là cảnh thi đua giữa hai người Việt Nam. Một người ốm yếu bệnh tật đang chạy bộ trong đồng ruộng sình lầy bằng đôi chân gầy guộc, để thi đua với một người Việt Nam khác, mạnh khỏe thông minh, chễm chệ lái xe hơi trên đường tráng nhựa bằng phẳng.

Cuộc thi đua này có thể gọi bằng danh từ mỹ miều là “tự do cạnh tranh” nhưng trong thực tế xã hội Việt Nam, cuộc thi đua đó chính là thảm trạng lâu dài của dân tộc Việt Nam, bởi vì cuộc thi đua chênh lệch và phi lý này đã tiếp diễn từ thập niên 30 đến bây giờ, trước đám khán giả, mà phần đông có khuynh hướng chê bai khinh miệt con người thất thế ốm yếu, và tăng bốc khen ngợi ông nhà giàu mạnh khỏe thông minh kia. Đó cũng lại là một thực trạng tâm lý con người trong cái xã hội đô thị ở Việt Nam, đánh giá nhân loại trên các tiêu chuẩn vật chất bề ngoài. Thực trạng tâm lý ấy, cũng vẫn là sản phẩm của chế độ thuộc địa Pháp.

Hai tay đua nói trên có thể được đặt tên là Lê Quang Vinh và Nguyễn Ngọc Thơ, để dễ dàng diễn tả một thực trạng sống, được nhiều người biết đến. Ông Nguyễn Ngọc Thơ là con của ông Huyện Chơn tại Long Xuyên. Ông Huyện là một trong những người nhìn xa thấy rộng, nằm trong thành phần giai cấp được người Pháp ưu đãi dưới thời Pháp thuộc, và ông có được những điều kiện phát triển thăng tiến xã hội, đạt địa vị xã hội và tài sản cao hơn nhiều người khác. Kết quả, ông trở thành một điền chủ giàu có, lại thêm chức quyền ông Huyện. Con của ông là Nguyễn Ngọc Thơ bước thẳng vào quan trường, với địa vị đặc biệt là bí thư của Toàn quyền Decoux. Sau đó ông được Pháp bổ nhiệm vào chức vụ quan trường, rồi tỉnh trưởng tại Long Xuyên, tức quê quán của ông. Lúc đó ông là đốc phủ sứ, ngạch cao nhất của hệ thống công chức bản xứ. Trong phong trào cách mạng chống Pháp giành độc lập, ông Thơ vẫn là một quan lại của Pháp, suốt từ buổi đầu của nấc

thang quan trường quyền lực, ông liên tục phục vụ bộ máy cai trị Pháp. Khi ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh năm 1954, ông được ông Diệm tin cậy, giao cho chức vụ Đặc sứ Việt Nam tại Đông Kinh (Nhật Bản). Sau đó ông được ông Diệm xem như một cố vấn về vấn đề Miền Nam. Khi Thủ tướng Ngô Đình Diệm lật đổ Quốc trưởng Bảo Đại thiết lập chế độ Đệ nhất Cộng Hòa, ông Thơ được đặt vào chức vụ Phó Tổng thống, tuy rằng có qua một cuộc bầu cử, nhưng ai cũng biết thực chất cuộc bầu cử đó là không dân chủ như ở các chế độ dân chủ chân chánh. Thế là, từ một công chức phục vụ bộ máy cai trị của thực dân Pháp, bây giờ ông Thơ nghiêm nhiên trở thành một người lãnh đạo của chế độ mới, của quốc gia Việt Nam độc lập. Cũng phải thêm rằng sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ do cuộc đảo chánh 1-11-1963, ông Thơ lại được bạn bè hay tay chân cũ đưa vào chức vụ Thủ tướng của chánh phủ cách mạng, hiện tượng này được diễn giải như một sự cầu kết giữa những người cùng nhóm quyền lợi với nhau, thuộc giai cấp ưu đãi trong xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc và chế độ Đệ nhất Cộng Hòa.

Đối chiếu lại trường hợp ông Nguyễn Ngọc Thơ, là một trường hợp đặc biệt khác, cũng được rất nhiều người biết đến. Đó là con người Lê Quang Vinh tự Ba Cụt, một nông dân sau trở thành một “loạn tướng”, rồi bị hành quyết.

Người thanh niên Lê Quang Vinh (sinh năm 1925, tại vùng Bàng-Tăng, tỉnh Long Xuyên) hàng ngày lam lũ với ruộng đất, xử dụng cây phảng nhiều hơn cây viết. Anh phát cỏ, cày bừa, gieo lúa, gặt hái... Nhà không có tiền, cho nên anh không được đi học xa, vốn nhà trường vốn vẹn có mấy năm tiểu học trường làng. Không có định chế tín dụng nào cho thân sinh của anh vay tiền để phát triển sản nghiệp, cũng không có nấc thang nào cho anh bước vào quan trường. Anh chỉ có thể là một người nông dân chân lấm tay bùn suốt đời, nếu không có các biến cố lịch sử xảy ra ở thập niên 1940.

Biến cố thứ nhất là sự ra đời của Phật Giáo Hòa Hảo năm 1939. Người nông dân ấy quy y nhập đạo, và hăng say theo Đạo. Anh hăng say tập luyện võ nghệ để chuẩn bị chống thực dân Pháp, cho nên anh bị thân sinh quở mắng nặng nề, đến nỗi anh phải dùng cây phảng phát cỏ chặt đứt ngón tay, mà thề rằng “nếu ngón tay này mọc lại, sẽ về làm ruộng cho vui lòng tía.”

Người thanh niên ấy đã không có cơ hội và điều kiện thăng tiến lên nấc thang xã hội, nhưng đã đi thẳng vào con đường đấu tranh cách mạng, khởi đầu là chống thực dân Pháp, và sau đó là chống Cộng sản, chống luôn cả chế độ Ngô Đình Diệm.

Bỏ cày cuốc để cầm võ khí, bỏ ruộng rẫy để ra chiến trường, anh đã sống

một cuộc sống thường xuyên nguy hiểm gian truân trong bưng biển kháng chiến, song hành với cuộc sống yên lành sung túc quan quyền của nhân vật Nguyễn Ngọc Thơ ngoài đô thị dưới sự bảo vệ của Pháp.

Đây là hai thái cực đối nghịch rõ rệt. Anh đã leo từ nấc thang thấp nhứt của người chiến sĩ, lên đến nấc thang khá cao của một người lãnh đạo quân sự (cấp tướng), do tinh thần chiến đấu can đảm và uy tín cá nhân mà anh đã tự tạo cho mình đối với binh sĩ dưới quyền. Chẳng may cho anh, anh bị ông Nguyễn Ngọc Thơ lừa gạt vào một cuộc thương thuyết, để lọt lưới của chế độ Ngô Đình Diệm. Anh bị bắt, bị giam cầm, bị đưa ra tòa xử như một kẻ phiến loạn, và sau hết, bị hành quyết tại Cần Thơ ngày 13-7-1956.

Hai cuộc đời của hai nhân vật Nguyễn Ngọc Thơ và Lê Quang Vinh, cùng sanh quán tỉnh Long Xuyên, nhưng phát xuất từ hai giai cấp xã hội khác nhau, rồi cùng trải qua những biến cố sôi động của lịch sử Việt Nam từ đầu thập niên 1940. Trong biến cố lịch sử đó, mỗi người đi một con đường: một bên theo Pháp, một bên chống Pháp, để rồi sau hết, người theo Pháp lại ngồi trên ghế cao hàng nhì của quyền lực lãnh đạo quốc gia. Ngược lại, người chống Pháp ngồi ghế tử tội, và bị chém đầu. Trong tiến trình đưa Lê Quang Vinh đến pháp trường, ông Nguyễn Ngọc Thơ là người đóng vai trò trọng yếu.

Câu chuyện “hai cuộc đời song hành” trên đây thể hiện tình trạng xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc với hậu quả lâu dài của chánh sách cai trị mà thực dân Pháp áp dụng.

Giai cấp được Pháp ưu đãi điển hình là con người Nguyễn Ngọc Thơ, tuy là thiếu số trong xã hội, nhưng có điều kiện giàu mạnh và nắm lấy quyền lực lãnh đạo. Trong khi đó, giai cấp đại đa số bị bạc đãi thiệt thòi, điển hình là con người Lê Quang Vinh chỉ có thể thoát ra khỏi hoàn cảnh bất công và vô vọng qua đại biến cố lịch sử, là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nhưng rồi cuộc, trên con đường cách mạng, Lê Quang Vinh bị đè xuống, bị đàn áp vì quyền lực chưa được thực sự chuyển từ chánh quyền thực dân qua quốc dân Việt Nam, tức quần chúng cách mạng, mà lại được chuyển vào tay một giai cấp được ưu đãi bởi chính thực dân tạo nên.

Người nông dân Lê Quang Vinh có cơ hội biến cố cách mạng mà thay đổi số phận của mình trong sự thay đổi số phận chung của dân tộc, nhưng vì biến cố cách mạng đó lại bị khống chế bởi giai cấp thiếu số nhờ những ưu thế sẵn có từ trước, mà nắm lấy quyền lực lãnh đạo xã hội, cho nên rồi cuộc thì người nông dân Lê Quang Vinh chỉ có thể trở thành một “loạn tướng”, mọi công lao chiến đấu bị phủ nhận, ngay cả lòng ái quốc cũng bị phủ nhận bởi quyền lực đương quyền, để rồi sau hết người nông dân Lê Quang Vinh vẫn là

nạn nhân trong một giai đoạn giao thời được cai trị bởi quyền lực phát sanh từ giai đoạn tiền cách mạng.

Cho nên có thể nói rằng cái chết của Tướng Lê Quang Vinh năm 1956, nhìn theo lăng kính phân tích xã hội, vẫn là hậu quả của chánh sách xã hội bất công của thực dân Pháp. Cũng vì thế mà Huỳnh Giáo Chủ, ngay năm đầu lập Đạo, đã dùng tinh thần đạo đức mà khuyên nhủ giới điền chủ nên thay đổi thái độ đối xử với giới tá điền, mở lòng từ thiện mà cứu giúp nông dân nghèo khổ. Sau này, 1946, Huỳnh Giáo chủ lấy sáng kiến thành lập Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng với mục đích thực hiện một xã hội công bình nhân đạo. Nói cách khác, sau cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, vẫn còn nhu cầu giải phóng con người Việt Nam.

(Trích trong PHẬT GIÁO HÒA HẢO TRONG DÒNG LỊCH SỬ DÂN TỘC- Phụ Lục II- Tác giả NGUYỄN LONG THÀNH NAM)